

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 18/2022/DS-PT  
Ngày 15-4-2022  
V/v tranh chấp về kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Lương Ngọc Dũng  
Bà Đặng Hồ Điệp

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*** Ông Hà Văn Dón - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp về kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 29/TB-TA ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Vũ Văn N; địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Trần Văn V; địa chỉ: Thôn Y, xã Th, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Người kháng cáo:*** Ông Vũ Văn N là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*** Cuối năm 2015, ông Trần Văn V nhận được công trình thi công Nhà văn hóa Thôn X và mương nước thôn 1, xã P, huyện T từ Công ty C (sau đây viết tắt là Công ty C). Ông V đã thuê nguyên đơn trông coi, giám sát, quản lý, đón nhận vật tư và chăm công người lao động từ tháng 01 năm 2016 đến hết tháng 4 năm 2016. Ông V hứa trả công cho

nguyên đơn 200.000 đồng/ngày. Việc thuê hai bên thỏa thuận miệng, không làm văn bản giấy tờ gì. Do ông V cùng thời điểm thi công nhiều công trình nên ông V nhờ nguyên đơn bỏ tiền ra để trả công người lao động và các chi phí phụ khác phục vụ việc thi công công trình. Tổng số tiền nguyên đơn đã bỏ ra để trả công người lao động và các chi phí phụ khác là 134.424.000 đồng có bảng hoạch toán do nguyên đơn tự lập. Nguyên đơn được ông V ủy quyền đến Công ty C nhận ứng số tiền 50.000.000 đồng để trả công người lao động. Ngoài ra, sau khi xong công trình ông V đưa thêm cho nguyên đơn số tiền 12.500.000 đồng. Giữa ông V và Công ty C thanh toán cho nhau như thế nào thì nguyên đơn không được biết. Như vậy, ông V còn nợ nguyên đơn số tiền là: 134.424.000 đồng - (50.000.000 đồng + 12.500.000 đồng) = 71.924.000 đồng. Sau khi xong công trình, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu ông V thanh toán số tiền trên nhưng ông V không thực hiện. Năm 2018, Công an huyện T giải quyết nội dung theo đơn đề nghị của ông, cơ quan công an đã triệu tập ông và ông V lên trụ sở Công an huyện T làm việc nhưng hai bên không thống nhất được.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn V phải trả nguyên đơn số tiền 71.924.000 đồng. Đối với tiền công mà ông V thì nguyên đơn không yêu cầu ông V phải trả. Việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn không liên quan gì đến Công ty C hoặc cá nhân nào khác.

*Trình bày và đề nghị của bị đơn :* Ông nhận công trình thi công mương nước thôn 1 và Nhà văn hóa Thôn X, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng từ Công ty C từ cuối năm 2015. Ông thuê ông N trông coi công nhân, chăm công người lao động và đón nhận vật tư từ Công ty C để thi công công trình Nhà văn hóa Thôn X bắt đầu từ tháng 01 năm 2016. Việc thuê giữa hai bên chỉ bằng miệng không ký hợp đồng. Tuy nhiên, sau đó ông N đã qua mặt ông, ông N đã tự ý và chủ động làm việc với Công ty C; trực tiếp nhận tiền ứng từ Công ty C để trả công người lao động từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2016. Công trình mương nước thôn 1, xã P đã thanh quyết toán xong, không liên quan gì đến công trình Nhà văn hóa Thôn X. Do công trình Nhà văn hóa Thôn X thi công chậm và kém chất lượng nên từ đầu tháng 5 năm 2016, Công ty C liên hệ với ông, yêu cầu ông trực tiếp quản lý sửa chữa và hoàn thiện công trình, ông tiếp nhận và trực tiếp trả lương người lao động từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2016. Vật tư, vật liệu và lương người lao động là do Công ty C đáp ứng và chi trả, ông chỉ quản lý nhân công và trả lương cho người lao động. Công trình thi công chậm là do lỗi của ông N trông coi, quản lý nhân công kém hiệu quả. Ông không vay, không mượn tiền của ông N. Ông không chấp nhận đối với yêu cầu của ông Vũ Văn N. Việc tranh chấp giữa nguyên đơn và ông không liên quan đến Công ty C hoặc cá nhân nào khác.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 166, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Văn N. Buộc ông Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Văn N số tiền là 27.780.000 đồng.

2. Không chấp nhận đối với phần yêu cầu của ông Vũ Văn N về việc buộc ông Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Văn N số tiền 44.144.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Vũ Văn N phải chịu số tiền 2.207.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 1.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015766 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng; ông Vũ Văn N còn phải nộp số tiền 407.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn V phải chịu số tiền 1.389.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; tuyên lãi suất nếu chậm thi hành án; tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2021, ông Vũ Văn N là nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do nguyên đơn kháng cáo vì Tòa án sơ thẩm giải quyết chưa công bằng. Ngày 18/10/2021 ông Trần Văn V là bị đơn kháng cáo. Ngày 02/11/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 12/2021/QĐ-PT, quyết định: không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông Trần Văn V đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn trình bày thỏa thuận giữa nguyên đơn và ông V là thỏa thuận miệng, nội dung thỏa thuận là nguyên đơn trông coi công trình cho ông V, mỗi ngày ông V trả nguyên đơn 200.000 đồng. Tuy nhiên, theo thỏa thuận miệng giữa hai bên thì nguyên đơn đã chi trả các khoản tiền sau đây: Tiền lương tháng 01 năm 2016 là 38.885.000 đồng, lương tháng 02 năm 2016 là 14.110.000 đồng, lương tháng 3 năm 2016 là 20.170.000 đồng, lương tháng 4 năm 2016 là 28.680.000 đồng. Tiền chi phí phụ, gồm: Mua sắt 600.000 đồng; thuê máy xúc đào móng nhà 8.000.000 đồng; thuê cốp pha ghép mái nhà và công trình phụ 10.000.000 đồng; mua sắm đồ đạc, dụng cụ, nước uống 13.979.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn đã ứng ra, gồm: Tiền lương công nhân 101.845.000 đồng + chi phí phụ 32.579.000 đồng, tổng bằng 134.424.000 đồng. Trong đó, nguyên đơn đã ứng tiền từ Công ty C 50.000.000 đồng, ông V đưa 12.500.000 đồng, tổng 62.500.000 đồng. Vậy, bị đơn còn thiếu nguyên đơn 71.924.000 đồng. Không yêu cầu bị đơn trả tiền công thuê. Việc tranh chấp giữa

nguyên đơn và bị đơn không liên quan đến Công ty C hoặc cá nhân nào khác. Nguyên đơn chỉ khởi kiện bị đơn.

Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì khác, không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Vũ Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Vũ Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp về kiện đòi tiền, bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, thành phố Hải Phòng nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn quy định. Bị đơn kháng cáo quá hạn và Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 12/2021/QĐ-PT ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông Trần Văn V đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

[2] Về người tham gia tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về kiện đòi tiền phát sinh từ giao dịch dân sự ông V thuê ông N trông coi, giám sát, quản lý vật tư, chăm công người lao động khi thi công Công trình xây dựng Nhà văn hóa Thôn X, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng từ tháng 01 năm 2016, thỏa thuận ông V trả công cho ông N 200.000 đồng/01 ngày. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn không liên quan đến Công ty C hoặc cá nhân nào khác. Như vậy, người tham gia tố tụng như Tòa án cấp sơ thẩm xác định cơ bản là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn về thỏa thuận giữa các bên: Căn cứ lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ về vụ việc, xác định: Nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Cuối năm 2015 bị đơn là người nhận thầu Công trình Nhà văn hóa Thôn X từ Công ty C thời gian thực

hiện xây dựng từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 7 năm 2016. Bị đơn thuê nguyên đơn trông coi, giám sát, quản lý vật tư, chăm công người lao động khi thi công Công trình nêu trên. Mặc dù, thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là thỏa thuận miệng, nhưng nguyên đơn bị đơn đều thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Với thỏa thuận này nguyên đơn chỉ là người trông coi, giám sát, quản lý vật tư, chăm công người lao động chứ không được giao làm các công việc khác.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn về nội dung tranh chấp: Theo nguyên đơn trình bày thực tế trong quá trình thực hiện thỏa thuận nguyên đơn đã chi trả tổng các khoản tiền là 134.424.000 đồng. Nguyên đơn đã nhận từ Công ty C số tiền 50.000.000 đồng, ông V đưa 12.500.000 đồng để trả lương công nhân và 2.200.000 đồng mua cây chống ngắn, ván lát đường, tổng là 64.700.000 đồng. Việc nguyên đơn nhận số tiền 50.000.000 đồng, 12.500.000 đồng và 2.200.000 đồng thì cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn đã trả lương cho người lao động các tháng 1,2,3,4 năm 2016, bị đơn là người trả lương cho người lao động các tháng 5,6,7 năm 2016; nội dung này nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nên không phải chứng minh. Nguyên đơn cho rằng trong quá trình thực hiện thỏa thuận thì nguyên đơn tự bỏ tiền ra trả lương cho người lao động tháng 4 năm 2016 số tiền 28.680.000 đồng sau này nguyên đơn viết nhầm số tiền lương tháng 4 là 27.780.000 đồng. Tại Biên bản làm việc ngày 27/10/2018 do Cơ quan Công an lập và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn trình bày công trình phải sửa chữa lại nên số tiền 50.000.000 đồng không đủ hạch toán lương cho người lao động nên lỗi là do nguyên đơn quản lý kém hiệu quả dẫn đến thời gian kéo dài cũng như chất lượng công trình kém nên nguyên đơn phải tự chịu. Về tiền lương trả cho người lao động các tháng 1,2,3,4 năm 2016, mặc dù theo thỏa thuận không thuộc trách nhiệm của nguyên đơn, nhưng thực tế nguyên đơn là người đã trực tiếp trả cho người lao động và bị đơn không phản đối. Về lý do dẫn đến việc thi công công trình bị kéo dài, xét thỏa thuận ban đầu giữa nguyên đơn và bị đơn thì không phải do lỗi của nguyên đơn nên việc bị đơn cho rằng do nguyên đơn quản lý kém hiệu quả nên công trình bị kéo dài và nguyên đơn phải tự trả cho người lao động tiền lương tháng 4 năm 2016 số tiền 27.780.000 đồng là không có cơ sở nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này. Các khoản tiền khác bị đơn không thừa nhận và không có trong thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên nguyên đơn là người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Văn N, ông Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả ông Vũ Văn N số tiền 27.780.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận đối với phần yêu cầu của ông Vũ Văn N về việc buộc ông Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Văn N số tiền 44.144.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Vũ Văn N phải chịu số tiền 2.207.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 1.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015766 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng; ông Vũ Văn N còn phải nộp số tiền 407.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn V phải chịu số tiền 1.389.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm ; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Vũ Văn N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007571 ngày 19 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng; ông Vũ Văn N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh sơn**